TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỘI AN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2020.
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Hồng Vân.
2. Ông Hồ Quý Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Vũ Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị H, sinh năm 1988.*(Có mặt)*
Địa chỉ: thôn H, xã P, thị xã B, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1986.*(Có mặt)*
Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2020, bản trình bày, biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị H trình bày:

Chị và anh T tìm hiểu nhau trong hai năm thì quyết định kết hôn. Vợ chồng kết hôn lần đầu vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố A. Hôn nhân hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện. Sau một thời gian chung sống, do mâu thuẫn nên vợ chồng chị quyết định ly hôn và được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sau đó, do còn tình cảm nên đến năm 2016, vợ chồng chị đã quay về bên nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố A. Tuy nhiên,

khi về sống với nhau chưa được một năm thì vợ chồng lại liên tiếp phát sinh những mâu thuẫn cũ. Nguyên nhân là do anh T không phụ giúp chị về kinh tế. Anh đi làm có tiền nhưng không cùng chị lo các khoản chi phí trong gia đình, chỉ nộp học phí cho con mỗi tháng khoảng hơn 700.000 đồng. Mọi khoản chi tiêu khác chị H đều phải một mình gồng gánh. Giữa vợ chồng không có sự hòa hợp, thấu hiểu, thông cảm nhau, luôn xảy ra căng thẳng, cãi vã. Hơn nữa, giữa chị H với gia đình chồng cũng không hòa hợp và sau những lần như vậy, anh T đều đứng về phía gia đình. Chính vì vậy nên chị H đã đưa con ra ở riêng từ năm 2017. Trong khoảng thời gian đó, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc đối với nhau, phần ai người đó sống. Cả hai vợ chồng đều không ai có động thái hàn gắn vì đã quá mệt mỏi, chỉ có sự quan tâm chung đối với con. Nay chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên xin được giải quyết ly hôn.

Về con chung: vợ chồng 01 con chung tên B, sinh ngày 29/10/2014. Từ năm 2017, chị đã thuê nhà tại xã C, thành phố A để mẹ con cùng chung sống. Sau đó, do tình hình dịch Covid 19, từ tháng 3 năm 2020, chị H đã đem con về sống chung với cha mẹ tại thôn H, xã P, thị xã B, tỉnh Quảng Nam. Sau đó, cha mẹ chị H đã cho chị khu đất bên cạnh để xây dựng nhà mới. Chị cùng con về nhà mới sống từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Chị đã làm thủ tục nhập học và cháu B hiện đang học lớp 1D, Trường Tiểu học X, xã P, thị xã B, tỉnh Quảng Nam. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Chị làm quản lý tại LTS Hội An, thu nhập bình quân mỗi tháng 15.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Theo bản trình bày, biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn, anh T trình bày:

Vợ chồng anh kết hôn lần đầu vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố A. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên thuận tình ly hôn và đã được Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Đến năm 2016, hai vợ chồng hàn gắn và đã đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố A. Hôn nhân lần này của của vợ chồng cũng hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, sau khi về chung sống với nhau tại nhà cha mẹ anh ở thôn T, xã C, thành phố A thì vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn do không hợp nhau. Chị H tính tình nóng nảy, cuộc sống gia đình hay lục đục, không hạnh phúc. Đến năm 2017, chị H chính thức không còn sống ở nhà chồng và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là B, sinh ngày 29/10/2014. Từ năm 2017, chị H và con không còn sống ở nhà anh T nhưng anh vẫn chăm lo cho con đầy đủ. Sáng chị H cho con ăn, đưa con đi học. Chiều anh T đón con về, lo cho con đến tối sẽ chở con qua nhà chị H. Cháu B con trai anh chị đã học tại trường mẫu giáo C và anh đã làm thủ tục nhập học cho cháu tại trường Tiểu học C, thành phố A.

Tuy nhiên, do chị H đã đem con về P, thị xã B nên con trai anh không thể nhập học tại trường Tiểu học C. Anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Anh T làm tại bộ phận bếp của resort Four Seasons, trước đây thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Những tháng gần đây do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên thu nhập còn khoảng 5.000.000 đồng. Bản thân anh đủ khả năng về kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T. Về con chung, giao cháu B, sinh ngày 29/10/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền thăm nom con chung. Chị H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh T; anh T hiện đang cư trú tại thôn T, xã C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T đã từng kết hôn, sau đó vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đã thuận tình ly hôn năm 2015. Đến năm 2016, do còn thương yêu nhau, anh chị lại tái hợp, kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố A vào ngày 23/3/2016 *(số: 15/2016)* nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nữa. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hòa hợp, không san sẻ với nhau nhiều vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng đã mỗi người sống mỗi nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau kể từ năm 2017 cho đến nay. Quá trình chuẩn bị xét xử, và tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đã thống nhất thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên B, sinh ngày 29/10/2014. Chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của chị H và anh T thì thấy: Cả hai đương sự đều thể hiện lòng thương yêu con chung, đều khẳng định mình có đủ các điều kiện kinh tế và tinh thần để tạo cho con môi trường phát triển tốt nhất về mọi mặt: trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tuy nhiên cháu B còn quá nhỏ, chỉ mới sáu tuổi, rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Từ năm 2017 đến nay, cháu luôn sống cùng mẹ *(khi chị H còn thuê nhà sống tại xã C cho đến khi chị H làm nhà mới, về xã P, thị xã B).* Cháu đã được mẹ làm thủ tục và hiện đang học lớp 1D, Trường Tiểu học X, xã P, thị xã B, tỉnh Quảng Nam. Cuộc sống của cháu thấy rằng đã đi vào nề nếp. Chị H có thu nhập ổn định, đảm bảo cho cháu B có cuộc sống về vật chất và tinh thần tốt hơn. Do đó, để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập và phát triển toàn diện của cháu B, Hội đồng xét xử thấy rằng giao cháu B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung là đúng quy định và phù hợp.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H tự nguyện chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55; Điều 58 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

2) Về con chung:

Giao cháu B, sinh ngày 29/10/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3) Án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm: Chị H tự nguyện nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010051 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Quảng Nam.

Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án *(19/9/2020).*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

HUỲNH THỊ BÍCH HÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THA DS thành phố Hội An;
- UBND xã Cẩm Thanh, TP Hội An (Số: 15/2016, ngày 23/3/2016);
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.